



Viết số dưới dạng chữ.

1) 3.282 _____

2) 2.191 _____

3) 8.640 _____

4) 3.956 _____

5) 6.350 _____

6) 4.568 _____

7) 5.998 _____

8) 14.073 _____

9) 71.792 _____

10) 68.604 _____

11) 13.659 _____

12) 11.318 _____

13) 80.192 _____

14) 76.111 _____

15) 265.970 _____

16) 491.562 _____

17) 230.650 _____

18) 154.759 _____

19) 173.120 _____

20) 932.076 _____



Viết số dưới dạng chữ.

- 1) 3.282 ba ngàn hai trăm tám mươi hai
- 2) 2.191 hai ngàn một trăm chín mươi mốt
- 3) 8.640 tám ngàn sáu trăm bốn mươi
- 4) 3.956 ba ngàn chín trăm năm mươi sáu
- 5) 6.350 sáu ngàn ba trăm năm mươi
- 6) 4.568 bốn ngàn năm trăm sáu mươi tám
- 7) 5.998 năm ngàn chín trăm chín mươi tám
- 8) 14.073 mười bốn ngàn không trăm bảy mươi ba
- 9) 71.792 bảy mươi mốt ngàn bảy trăm chín mươi hai
- 10) 68.604 sáu mươi tám ngàn sáu trăm linh bốn
- 11) 13.659 mười ba ngàn sáu trăm năm mươi chín
- 12) 11.318 mười một ngàn ba trăm mười tám
- 13) 80.192 tám mươi ngàn một trăm chín mươi hai
- 14) 76.111 bảy mươi sáu ngàn một trăm mười một
- 15) 265.970 hai trăm sáu mươi lăm ngàn chín trăm bảy mươi
- 16) 491.562 bốn trăm chín mươi mốt ngàn năm trăm sáu mươi hai
- 17) 230.650 hai trăm ba mươi ngàn sáu trăm năm mươi
- 18) 154.759 một trăm năm mươi bốn ngàn bảy trăm năm mươi chín
- 19) 173.120 một trăm bảy mươi ba ngàn một trăm hai mươi
- 20) 932.076 chín trăm ba mươi hai ngàn không trăm bảy mươi sáu